

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

VAI TRÒ CỦA QUAN HỆ TỪ PHỤ THUỘC TIẾNG VIỆT ĐỐI VỚI CẤU TRÚC ĐỀ - THUYẾT

LA THỊ MỸ QUỲNH*

TÓM TẮT: Bàn về vai trò của quan hệ từ phụ thuộc tiếng Việt đối với cấu trúc đề - thuyết, bài viết vận dụng quan điểm về cấu trúc đề - thuyết của nhà ngữ pháp chức năng Simon C. Dik để đánh giá vai trò của quan hệ từ phụ thuộc đối với các chức năng ngữ dụng: *Chủ đề, Đề, Thuyết (Tiêu điểm), Hậu đề*. Kết quả nghiên cứu cho thấy quan hệ từ phụ thuộc tiếng Việt là yếu tố tích cực tham gia đánh dấu, dẫn nhập *Chủ đề, Hậu đề* và có thể tham gia vào phần *Thuyết (tiêu điểm)*. Đây là những vai trò mới mẻ của quan hệ từ phụ thuộc tiếng Việt trên bình diện dụng học dưới góc nhìn của ngữ pháp chức năng, góp phần khẳng định vị thế, vai trò quan trọng của quan hệ từ phụ thuộc trong hệ thống từ loại tiếng Việt.

TỪ KHÓA: quan hệ từ phụ thuộc; chủ đề; đề; thuyết; hậu đề.

NHẬN BÀI: 11/3/2022.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 15/6/2022

1. Mở đầu

Những năm gần đây, lí thuyết ngữ pháp chức năng - mô hình nghiên cứu ngôn ngữ trên ba bình diện - đang được khá nhiều tác giả vận dụng để tìm hiểu thêm những đặc điểm, vai trò của một số từ loại tiếng Việt, đặc biệt là các vai trò của từ loại tiếng Việt trên bình diện nghĩa học và dụng học mà trong các nghiên cứu trước đây chưa nhắc tới. Theo hướng nghiên cứu này, bài viết vận dụng quan điểm về cấu trúc đề - thuyết của Simon C. Dik để làm sáng tỏ vai trò của quan hệ từ phụ thuộc tiếng Việt (một tiểu loại của quan hệ từ) đối với cấu trúc đề - thuyết, một trong bốn loại cấu trúc câu theo quan điểm của ngữ pháp chức năng (*cấu trúc chủ - vị* thuộc bình diện kết học, *cấu trúc vị tố - tham thể* thuộc bình diện nghĩa học, *cấu trúc tin mới - tin cũ* và *cấu trúc đề - thuyết* thuộc bình diện dụng học). Ngữ liệu được trích từ một số tác phẩm văn học Việt Nam như: *Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Nhật Ánh*, v.v.

2. Khái quát về cấu trúc đề - thuyết

Hiện nay, trong Việt ngữ học, cấu trúc đề - thuyết của câu vẫn là vấn đề chưa đạt được sự thống nhất về quan niệm, góc nhìn. Cụ thể, các tác giả Cao Xuân Hạo, Lưu Văn Lăng, Hồ Lê, Đào Thanh Lan, ... quan niệm cấu trúc đề - thuyết trong tiếng Việt chính là cấu trúc cú pháp cơ bản của câu và thuộc bình diện logic - ngôn từ. Theo Cao Xuân Hạo (1991) "*việc phân đoạn Đề - Thuyết là kết quả của cách tổ chức phát ngôn theo hướng đi của dòng tư duy (của thao tác phán đoán), nó thuộc bình diện cú pháp - logic*" (tr.167); bởi vậy, "*một hành động nhận định tất nhiên phải tuyến tính hóa cái mông của hiện thực được chọn làm nội dung phản ánh, nghĩa là sắp xếp lại các khái niệm dùng để phản ánh nó thành một chuỗi có trước, có sau, thành thứ cái hành động của tư duy đó tất nhiên phải triển khai theo một hướng nhất định: nó phải chọn một điểm xuất phát và một điểm kết thúc*" (tr.145-146). Từ những quan niệm như vậy, Cao Xuân Hạo cho rằng khi nói ra một câu, người nói đưa ra một cái *đề* (thành tố trực tiếp của câu nêu rõ cái phạm vi ứng dụng của điều được nói bằng thành tố trực tiếp thứ hai: phần *thuyết*), rồi nói một điều gì về cái *đề* đó hoặc trong khuôn khổ của cái *đề* đó. Cấu trúc đề - thuyết có trật tự thường gặp là phần *đề* đi trước phần *thuyết* và thường được phân giới bởi hai tác tử *thì* và *là*.

Xuất phát từ lí thuyết phân đoạn thực tại của học giả V. Mathesius, Trần Ngọc Thêm (2013) quan niệm cấu trúc đề - thuyết của câu là cấu trúc của sự phân đoạn thông báo hay còn gọi là sự phân đoạn ngữ nghĩa, phân đoạn nội dung và không trùng với cấu trúc cú pháp cơ bản của câu. Ông cho rằng "*cấu trúc của mọi câu đều chia thành hai phần: Một phần là đối tượng được nêu ra để thông báo, đóng vai trò trung tâm tổ chức của câu, gọi là chủ đề (Theme); còn phần kia là thông báo về chủ đề, đóng vai trò trung tâm thông tin (trung tâm ngữ nghĩa) của câu, gọi là thuật đề (hay phần thuyết) (Rheme), nó luôn luôn đứng sau chủ đề*" (tr.47-48). Còn tác giả Diệp Quang Ban (2009), xuất

* TS; Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên; Email: quynhdkh883@gmail.com

phát từ quan niệm câu/ cú với tư cách như là một thông điệp trong mô hình lí thuyết ngữ pháp chức năng của M.A.K. Halliday, lại quan niệm cấu trúc đề - thuyết là cấu trúc của câu trong chức năng tạo văn bản. Đây là một trong ba siêu chức năng nghĩa (kinh nghiệm, liên nhân, văn bản) của câu. Theo đó, câu/ cú bao gồm một đề ngữ được kèm theo bởi một thuyết ngữ. Đề ngữ (Theme) là thành phần được dùng để làm xuất phát điểm của thông điệp; nó là thành phần mà câu liên quan đến. Phần còn lại của thông điệp, thành phần mà Đề ngữ được phát triển là Thuyết ngữ (Rheme). Như vậy, quan niệm cấu trúc đề - thuyết của V. Mathesius và của M.A.K. Halliday được tác giả Trần Ngọc Thêm và Diệp Quang Ban vận dụng vào tiếng Việt là thuộc bình diện nghĩa học, không thuộc bình diện kết học hay dụng học của câu.

Bài viết của chúng tôi xuất phát từ quan điểm của Simon C. Dik, coi cấu trúc đề - thuyết thuộc bình diện dụng học của câu. Cụ thể, Simon C. Dik đã khẳng định, “‘*đề*’ (*topic*) và ‘*thuyết*’ (*comment*), ‘*chủ đề*’ (*theme*) và ‘*thuyết*’ (*rheme*), ‘*cái biết sẵn*’ (*given*), ‘*cái mới*’ (*new*), ‘*tiêu điểm*’ (*focus*) và ‘*tiền giả định*’ (*presupposition*). Tất cả đều có thể được hiểu là những chức năng ngữ dụng, theo quan điểm của chúng tôi.” [Simon C.Dik, 2005, tr.172]. Ông cho rằng các chức năng trên là chức năng ngữ dụng vì chúng phụ thuộc chủ yếu vào các *thông tin ngữ dụng* (gồm thông tin tổng quát, tình huống, ngữ cảnh) theo cách này hay cách khác.

Simon C. Dik quan niệm *Đề* (*topic*) và *Tiêu điểm* (*focus*) là những chức năng ngữ dụng bên trong kết cấu vị ngữ (KCVN) - đơn vị ngữ nghĩa hạt nhân để ấn định các chức năng cú pháp và các chức năng dụng pháp. Theo đó, trong chức năng ngữ dụng, KCVN được chia làm hai phần: *Đề* (*topic*) và *Tiêu điểm* (*focus*).

- *Đề* (*Topic*): là thành tố biểu thị cái thực thể mà KCVN xác định điều gì đó về nó trong một bối cảnh cho trước.

- *Tiêu điểm* (*Focus*): là thành tố biểu thị những thông tin quan trọng nhất hay nổi bật nhất dưới dạng những thông tin ngữ dụng của người nói và người nghe. (Simon C. Dik, 2005, tr.173).

Với định nghĩa về chức năng ngữ dụng *Đề* và *Tiêu điểm* như trên, chúng tôi thấy rằng thuật ngữ *Đề* (*topic*) được Simon C. Dik sử dụng tương đương với thuật ngữ *Chủ đề* (*theme*), *Đề ngữ* (*theme*) - phần thứ nhất trong cấu trúc đề - thuyết, còn thuật ngữ *Tiêu điểm* được sử dụng tương đương với thuật ngữ *Thuyết* (*rheme*) - phần còn lại trong cấu trúc đề - thuyết của các tác giả khác (V. Mathesius; M.A.K. Halliday). Ông cũng khẳng định “*chức năng ‘Đề’ đánh dấu thành tố (của KCVN) mà KCVN có thể được dùng để thuyết minh một điều gì đó về nó*” (tr.187).

Ngoài ra, Simon C.Dik còn đề cập đến hai chức năng ngữ dụng bên ngoài, đứng trước và sau KCVN là thành tố *chuyển vị trái* - *Chủ đề* (*theme*) và thành tố *chuyển vị phải* - *Hậu đề* (*tail*).

- *Chủ đề* (*Theme*): là thành tố biểu thị một lĩnh vực hay toàn bộ diễn ngôn thích hợp để phát ngôn KCVN theo sau.

- *Hậu đề* (*Tail*): là thành tố như một “*hậu ý*” đối với KCVN, biểu thị thông tin để làm rõ hay bổ nghĩa cho một vài thành tố trong KCVN. (tr.173).

Theo quan niệm của Simon C. Dik, thuật ngữ *Chủ đề* - *chuyển vị trái* được ông sử dụng không trùng với thuật ngữ *Đề* (*topic*) và cũng không trùng với thuật ngữ *Chủ đề*, *Đề ngữ* - thành tố chính trong cấu trúc đề - thuyết của các tác giả khác. Simon C. Dik lưu ý về khái niệm *Chủ đề* theo quan điểm của ông như sau: “*cái mà chúng ta thường gọi là Chủ đề (Theme) thường để chỉ Đề (Topic), chúng tôi không theo cách dùng này bởi vì chúng tôi muốn có khả năng phân biệt chức năng dụng pháp của Chủ đề, yếu tố hoạt động bên ngoài KCVN, với chức năng dụng pháp của Đề, yếu tố hoạt động bên trong KCVN*” (Simon C. Dik, 2005, tr.186).

Simon C. Dik đã mô hình hóa các chức năng ngữ dụng bằng một lược đồ tổng quát như sau:

(Xi) Theme, Predication, (Xj) Tail

(Xi) Theme là *Chủ đề* - thành tố *chuyển vị trái*;

Predication = KCVN (cấu trúc Đề - Tiêu điểm (thuyết))

(Xj) Tail là *Hậu đề* - thành tố *chuyển vị phải*.

Quan niệm cấu trúc đề - thuyết (tiêu điểm) nằm trên bình diện dụng học nên Simon C. Dik đã phân biệt rõ đề - thuyết với các thành phần chính trên bình diện cú pháp, đồng thời cũng đã chỉ ra sự

tương đương của các thành phần chính trong cấu trúc cú pháp với các thành phần đề - thuyết. Ông khẳng định “tôi không đồng nhất ‘Đề’ với ‘thành tố thứ nhất của cú’ mặc dù những thành tố mang chức năng Đề thường được hiện thực hóa bằng những thành tố đứng ở vị trí thứ nhất trong cú (...), tôi không đồng nhất ‘Tiêu điểm’ với ‘thành tố nhận hay mang trọng âm chính’, mặc dù thành tố mang chức năng ‘Tiêu điểm’ thường được hiện thực hóa bằng các thành tố như thế, tuy nhiên, có thể nói rằng chức năng Tiêu điểm xác định một sự hiện thực hóa chứ không phải là trùng với nó” (tr.175).

Dưới đây là mô hình hiện thực hóa các chức năng ngữ dụng *Chủ đề, Đề, Thuyết (Tiêu điểm), Hậu đề* trong các chức năng ngữ pháp của câu tiếng Việt mà bài viết vận dụng theo quan điểm của Simon C. Dik:

Cấu trúc cú pháp	Trạng ngữ/ Khởi ngữ (Đề ngữ)	Chủ ngữ (CN)	Vị ngữ (VN)
Cấu trúc đề - thuyết	Chủ đề	Đề	Thuyết (Tiêu điểm)

Riêng *Hậu đề* tương đương với thành phần *phụ chú ngữ* hoặc thành phần *trạng ngữ* được đặt ở cuối câu.

Có thể dựa vào các ví dụ của Simon C. Dik để phân tích, nhận diện rõ các thành phần trên:

(1)

	<i>As for Paris,</i>	<i>the Eiffel Tower</i>	<i>is really spectacular.</i>
CTCP	Trạng ngữ	CN	VN
CTĐT	Chủ đề	Đề	Thuyết (Tiêu điểm)

(tr.177)

(2)

	<i>I</i>	<i>didn't like it very much,</i>	<i>that book of yours.</i>
CTCP	CN	VN	Phụ chú ngữ
CTĐT	Đề	Thuyết (Tiêu điểm)	Hậu đề

(tr.203)

Trong tiếng Việt, ta có thể xác định các thành phần *chủ đề, đề, tiêu điểm (thuyết), hậu đề* trong các VD dưới đây:

(3)

	<i>Ở Hà Nội,</i>	<i>phở</i>	<i>là một đặc sản ẩm thực.</i>
CTCP	Trạng ngữ	CN	VN
CTĐT	Chủ đề	Đề	Thuyết (Tiêu điểm)

[KN]

(4)

	<i>Tôi</i>	<i>không thích cái áo đó,</i>	<i>cái áo mà bạn mặc hôm qua.</i>
CTCP	CN	VN	Phụ chú ngữ
CTĐT	Đề	Thuyết (Tiêu điểm)	Hậu đề

[KN]

(5)

	<i>Nhưng</i>	<i>chúng ta</i>	<i>đã làm cho sân bay trở nên vô dụng,</i>	<i>bằng cách đào một hào giao thông cắt ngang nó.</i>
CTCP	Liên ngữ	CN	VN	Trạng ngữ
CTĐT		Đề	Thuyết (Tiêu điểm)	Hậu đề

[21, tr.81]

Xem xét vai trò của quan hệ từ phụ thuộc (QHTPT) tiếng Việt đối với cấu trúc đề - thuyết (tiêu điểm) theo quan điểm của Simon C. Dik, có thể nhận thấy QHTPT không đảm nhận các chức năng *Chủ đề, Đề, Hậu đề* nhưng lại là yếu tố đánh dấu, dẫn nhập các chức năng *Chủ đề* và *Hậu đề*. Riêng đối với phần *Thuyết (Tiêu điểm)*, kết quả khảo sát cho thấy, khi được hiện thực hóa trong loại câu quan hệ tiếng Việt, QHTPT có thể tham gia vào phần *Thuyết (Tiêu điểm)*. Ngoài ra, QHTPT còn

tham gia kết nối các yếu tố trong phần Thuyết, được hiện thực hóa là thành phần bổ ngữ trong câu. Chúng tôi sẽ làm rõ các vai trò này của QHTPT tiếng Việt đối với cấu trúc đề - thuyết (trong mục 4).

3. Vài nét về quan hệ từ phụ thuộc tiếng Việt và tình hình nghiên cứu vai trò của quan hệ từ phụ thuộc đối với cấu trúc đề - thuyết

QHTPT là một tiểu loại của quan hệ từ tiếng Việt, chuyên dùng để kết nối và biểu thị quan hệ ngữ pháp chính phụ giữa các yếu tố ngôn ngữ mà nó tham gia kết nối, như *của, để, bằng, vì, do, bởi, tại, nếu, hễ, giá,...* Dưới góc nhìn của ngữ pháp truyền thống, QHTPT mới chỉ được ghi nhận những đóng góp về mặt kết học (ngữ pháp). Những năm gần đây, dưới góc nhìn của ngữ pháp chức năng và lý thuyết ba bình diện, QHTPT đã bước đầu được xem xét, đánh giá toàn diện, ghi nhận thêm những đóng góp của tiểu loại này trên cả bình diện nghĩa học và dụng học, như là yếu tố tham gia đánh dấu, dẫn nhập các loại tham thể (vai nghĩa) trong cấu trúc nghĩa miêu tả, là phương tiện thể hiện nghĩa thái, đảm nhiệm vai trò kết từ lập luận, v.v. Riêng về vai trò của QHTPT đối với cấu trúc đề - thuyết, cho đến nay, chúng tôi thấy mới có tác giả Diệp Quang Ban xem xét đến vấn đề này. Vận dụng quan điểm về cấu trúc đề - thuyết của M.A.K. Halliday vào phân tích câu tiếng Việt, Diệp Quang Ban đã phân chia *đề* trong cấu trúc đề - thuyết thành ba loại: *đề - đề tài* (Topical Theme - nêu thực thể hay sự việc có quan hệ về nghĩa sự việc với phần thuyết của câu); *đề tình thái* (hay *đề liên nhân* - Interpersonal Theme, nêu thái độ của người nói đối với người nghe hoặc cách nhìn của người nói đối với sự việc được phản ánh trong câu); *đề văn bản* (Textual Theme - là yếu tố đứng đầu câu diễn đạt mối quan hệ nghĩa - logic của nội dung câu chứa nó với những câu khác mà nó có liên hệ về nghĩa hoặc với tình huống. Đề văn bản làm liên tổ trong câu, xét về mặt ngữ pháp) (Diệp Quang Ban, 2009, tr.322). Như vậy, theo quan điểm của Diệp Quang Ban, QHTPT tiếng Việt có thể đảm nhận chức năng *đề văn bản* trong cấu trúc đề - thuyết của câu. Chẳng hạn, trong ví dụ “*Tôi đã báo Dịch nên về quê đã mấy lần. Nhưng Dịch không nghe*” (dẫn theo Diệp Quang Ban, 2009, tr.322), QHTPT *nhưng* đã đảm nhiệm chức năng *đề văn bản* trong câu có cấu trúc đề - thuyết: *Địch (đề tài) - không nghe (thuyết)*. Tuy nhiên, bài viết của chúng tôi không đi theo quan điểm này cho nên vấn đề nghiên cứu của bài viết vẫn chưa được ai bàn luận tới và cần được làm sáng tỏ để thấy được một vai trò mới của QHTPT tiếng Việt trên bình diện dụng học theo quan điểm của nhà ngữ pháp chức năng Simon C. Dik.

4. Vai trò của quan hệ từ phụ thuộc tiếng Việt đối với cấu trúc đề - thuyết

4.1. Quan hệ từ phụ thuộc đánh dấu Chủ đề

Như đã trình bày, *Chủ đề* theo quan điểm của Simon C. Dik là thành tố “chuyên vị phải” biểu thị một lĩnh vực, một thực thể hay toàn bộ diễn ngôn thích hợp để KCVN (cấu trúc đề - thuyết) theo sau, được hiện thực hóa trong câu với chức năng trạng ngữ và khởi ngữ (còn gọi là *đề ngữ*) ở đầu câu, ngăn cách với cấu trúc đề - thuyết bởi dấu phẩy (.). Kết quả khảo sát ngữ liệu cho thấy QHTPT tiếng Việt tham gia rất tích cực để đánh dấu và dẫn nhập Chủ đề.

Khi hiện thực hóa là thành phần trạng ngữ (TN), Chủ đề có thể biểu thị các nội dung về thời gian, không gian (địa điểm, nơi chốn), nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức,... thích hợp để cấu trúc đề - thuyết theo sau. Đối với mỗi loại Chủ đề, sẽ có một số QHTPT tiêu biểu đánh dấu, dẫn nhập. Cụ thể:

- QHTPT đánh dấu Chủ đề thời gian: *từ, vào, từ...đến, trong, trước,...*

Chủ đề thời gian có thể là một thời điểm hoặc một thời đoạn mà cấu trúc đề - thuyết theo sau. Chủ đề thời điểm thường được đánh dấu bởi các QHTPT *từ, vào, trong, trước,...* Ví dụ:

(6)

	<i>Từ ngày ông mất,</i>	<i>dì tôi</i>	<i>trở thành cô y tá nghiệp dư trong làng.</i>
CTCP	TN thời điểm	CN	VN
CTĐT	Chủ đề thời điểm	Đề	Thuyết (Tiêu điểm)

[9, tr.86]

Tương tự là các ví dụ dưới đây:

(7) *Vào lúc ấy* (*Chủ đề thời điểm), *Xuân Tóc Đỏ khếp nép bước vào chào mọi người thì ai cũng gạt đầu qua loa, ai cũng có vẻ nghĩ ngợi.* [18, tr.72]

(8) *Trong những ngày yên tĩnh gần gũi* (*Chủ đề thời điểm), *tôi tránh sang ngủ ở nhà bên*. [22, tr.533]

(9) *Trước đây* (*Chủ đề thời điểm), *Cúc Hương luôn luôn dẫn đầu lớp về môn này*. [10, tr.40]

Chủ đề thời đoạn thường được đánh dấu bởi cặp QHTPT từ...đến. Ví dụ:

(10) *Từ khi Xuân đi làm đến giờ*, *hai anh em không thân mật như trước nữa*. [16, tr.196]

- QHTPT đánh dấu Chủ đề không gian: *trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, bên, cạnh, giữa, ...*

Chủ đề không gian có thể là một không gian rộng lớn, không xác định hoặc cũng có thể là một không gian hẹp, cụ thể để cấu trúc đề - thuyết theo sau. Ví dụ:

(11) *Trong đêm tối mù mịt* (*Chủ đề không gian rộng), *không nghe thấy tiếng máy bay, chỉ nghe thấy những tiếng bom rít đầu đó và hàng loạt tiếng nổ khắp bốn phía*. [22, tr.535]

(12) *Giữa trời sao khuya* (*Chủ đề không gian rộng), *một đôi mắt đen và to khẽ chớp*. [13, tr.11]

Trong hai ví dụ trên, QHTPT *trong, giữa* đánh dấu Chủ đề thời gian rộng lớn, không xác định cụ thể.

(13) *Ngoài sân* (*Chủ đề không gian hẹp), *những cành phượng vẫn đỏ chói chang*. [9, tr.143]

(14) *Trên cái thùng* (*Chủ đề không gian hẹp), *tùm hum mạnh chiếu rách che hàng cho đỡ nắng*. [14, tr.289]

(15) *Dưới mái hàng nước đầu ngã ba* (*Chủ đề không gian hẹp), *một anh xẩm đương lắc lư, ngêu cổ lên mà hát*. [14, tr.364]

Trong ba ví dụ trên, QHTPT *ngoài, trên, dưới* đánh dấu Chủ đề không gian hẹp.

- QHTPT đánh dấu Chủ đề nguyên nhân: *vì, do, bởi, tại, nhờ, ...* Ví dụ:

(16) *Vì nhà neo người* (*Chủ đề nguyên nhân), *sức một mình con không kham nổi ạ*. [14, tr.371]

(17) *Do một sự tình cờ* (*Chủ đề nguyên nhân), *y biết được tên Tư*. [12, tr.484]

(18) *Nhờ trời nắng* (*Chủ đề nguyên nhân), *quần áo đã thật khô*. [KN]

- QHTPT đánh dấu Chủ đề mục đích: *để, cho, vì, nhằm, hòng, để, để cho, ...* Ví dụ:

(19) *Để tỏ rõ lòng tôi vẫn có chỗ luyến quyến với tình đồng song cũ* (*Chủ đề mục đích), *tôi xin nhận cái nghiến bút và bình thủy trà đá đen và trân trọng tưởng nhớ mỗi khi dùng đến*. [20, tr.146]

(20) *Vì một tương lai tươi sáng* (*Chủ đề mục đích), *các em hãy chăm chỉ học tập*. [KN]

(21) *Nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết* (*Chủ đề mục đích), *tổ dân phố đã tổ chức ngày hội đại đoàn kết toàn dân*. [KN]

- QHTPT đánh dấu Chủ đề phương tiện, cách thức: *bằng, với, qua, nhờ, ...* Ví dụ:

(22) *Với đôi tay ấy* (*Chủ đề phương tiện), *anh vẫn phục vụ được nhiều*. [21, tr.59]

(23) *Bằng đôi mắt hững hờ và u tối* (*Chủ đề phương tiện), *cô ta đắm đắm nhìn vào thân thể, vào bộ ngực, bộ đùi nở nang của Hùng như cái kiểu người ta nhìn vào gốc cây, tảng đá*. [15, tr.7]

(24) *Nhờ cái lầy này* (*Chủ đề phương tiện), *một phát tên sẽ giết được hàng nghìn giặc*. [21, tr.16]

Trong các ví dụ trên, QHTPT *bằng, với, nhờ* đánh dấu Chủ đề chỉ phương tiện để cấu trúc đề - thuyết theo sau.

(25) *Bằng cái dáng bộ sợ hãi* (*Chủ đề cách thức), *chị Dậu đón lấy bộ quần áo và xách đôi guốc, rồi đi ra phía sau Trại lệ*. [19, tr.212]

(26) *Với vẻ mặt bắn khoăn* (*Chủ đề cách thức), *cái Tý lại bung bát khoai chìa tận mặt mẹ*. [19, tr.48]

Trong hai ví dụ trên, QHTPT *bằng, với* tham gia đánh dấu Chủ đề cách thức. Như vậy, các QHTPT *bằng, với, qua, nhờ* đều có thể đánh dấu Chủ đề phương tiện và Chủ đề cách thức, tuy nhiên, *bằng, với* là hai QHTPT được sử dụng phổ biến hơn.

Khi hiện thực hóa là thành phần khởi ngữ, Chủ đề có thể biểu thị đối tượng, phạm vi, phương diện thích hợp để cấu trúc đề - thuyết theo sau. Các QHTPT thường thực hiện nhiệm vụ đánh dấu loại Chủ đề này là *về, với, đối với, trong, trước, ...* trong đó *với, về, đối với* là các QHTPT chuyên dụng đánh dấu loại Chủ đề này. Ví dụ:

(27) *Về học thức* (*Chủ đề phương diện), *tôi cũng đã có bằng Thành chung*. [18, tr.195]

(28) *Về giọng giống* (*Chủ đề phương diện), *tôi là con một ông phán, cháu nội một ông huyện, ...* [18, tr.195]

(29) *Trong chuyện đánh nhau* (*Chủ đề phương diện), *thằng Thế nổi tiếng là vua lì*. [9, tr.50]

(30) *Trước một cảnh ngộ khó xử* (*Chủ đề phạm vi), *viên quân không dám phê bình nữa*. [18, tr.22]

Trong các ví dụ trên, QHTPT *về, trong, trước* đánh dấu Chủ đề phạm vi, phương diện để cấu trúc đề - thuyết theo sau.

(31) *Đối với họ* (*Chủ đề đối tượng), *cái ăn còn cần hơn cả tình yêu*. [11, tr.139]

(32) *Với ông* (*Chủ đề đối tượng), *vợ chồng đi Dậu không có họ hàng thân thiết gì cả*. [19, tr.122]

Trong các ví dụ trên, QHTPT *với, đối với* đánh dấu Chủ đề chỉ đối tượng của cấu trúc đề - thuyết theo sau.

4.2. Quan hệ từ phụ thuộc đánh dấu Hậu đề

Theo quan điểm của Simon C. Dik, Hậu đề (chuyển vị trái) được quan niệm là thành tố được hiểu như một “hậu ý” đối với cấu trúc đề - thuyết, hiện diện ở vị trí bên trái cấu trúc đề - thuyết, biểu thị thông tin nhằm làm sáng tỏ hay bổ nghĩa cho một thành tố nào đó trong cấu trúc đề - thuyết, tách khỏi cấu trúc đề - thuyết bởi dấu phẩy (,) và được hiện thực hóa trong câu là thành phần trạng ngữ và phụ chú ngữ ở cuối câu.

Kết quả khảo sát ngữ liệu cho thấy khi hiện thực hóa là trạng ngữ ở cuối câu, Hậu đề có thể mang những nội dung ngữ nghĩa của Chủ đề để bổ sung cho một thành tố nào đó trong cấu trúc đề - thuyết hoặc cho cả cấu trúc đề - thuyết. Như vậy, Hậu đề cũng có thể bổ sung nghĩa về thời gian, không gian, phương tiện, cách thức, nguyên nhân, mục đích, ... Ví dụ:

(33) *Ông nhà tôi mất được mười năm nay, giữa lúc tôi bụng mang dạ chửa cái thằng bé cuối cùng*. [22, tr.120] (QHTPT *giữa* đánh dấu Hậu đề bổ sung nghĩa về thời gian).

(34) *Chúng nhặt thóc sát ven đường, ngay cạnh cây mâm xôi tím tím và bụi mắc cỡ đầy gai*. [9, tr.7] (QHTPT *cạnh* đánh dấu Hậu đề bổ sung nghĩa về địa điểm).

(35) *Trăm hai, trăm hai, viết là hai trăm cho cẩn thận, do cái lẽ trong văn tự chỉ có thể nói: lâu y như quốc lệ*. [11, tr.140] (QHTPT *do* đánh dấu Hậu đề bổ sung nghĩa về nguyên nhân).

(36) *Con không dám nói sai lời, vì là chỗ con nhờ vả quanh năm*. [14, tr.390] (QHTPT *vì* đánh dấu Hậu đề bổ sung nghĩa về nguyên nhân).

(37) *Anh chàng cục mịch lùi thúi đánh trâu gồng cày lùi xuống, để nhường khu đất trước điểm cho người khác vác bừa và đuổi trâu lên*. [19, tr.7] (QHTPT *để* đánh dấu Hậu đề bổ sung nghĩa về mục đích).

(38) *Nó nhìn quanh quần xem có ai quen không, để mong lấy một sự cứu vớt*. [14, tr.180]

(39) *Trải qua muôn vàn khó khăn nguy hiểm, các chiến sĩ đã mở hẳn ra một con đường trên đỉnh núi cheo leo, vẫn chỉ bằng hai bàn tay với cái cuốc, cái xẻng*. [21, tr.79] (QHTPT *bằng* đánh dấu Hậu đề bổ sung nghĩa về phương tiện).

(40) *Nhưng chúng ta đã làm cho sân bay trở lên vô dụng, bằng cách đào một hào giao thông cắt ngang nó*. [21, tr.81] (QHTPT *bằng* đánh dấu Hậu đề bổ sung nghĩa về cách thức).

Tuy nhiên, thực tế khảo sát ngữ liệu cho thấy mô hình cấu trúc đề - thuyết có Hậu đề được hiện thực hóa là trạng ngữ được sử dụng không phổ biến như mô hình cấu trúc đề - thuyết có Chủ đề được hiện thực hóa là trạng ngữ. Do vậy, QHTPT cũng ít tham gia đánh dấu chức năng Hậu đề hơn so với đánh dấu chức năng Chủ đề.

Khi hiện thực hóa là phụ chú ngữ trong câu, Hậu đề thường bổ sung một nội dung ngữ nghĩa cho một thành tố trong cấu trúc đề - thuyết mà không thể bổ sung thông tin, làm rõ nội dung ngữ nghĩa

cho cả cấu trúc đề - thuyết như Hậu đề được hiện thực hóa là trạng ngữ của câu. Hơn nữa, trong câu tiếng Việt, phụ chủ ngữ thường hiện diện xen giữa nòng cốt câu, được ngăn cách với nòng cốt câu bởi dấu phẩy ở trước nó và sau nó, không cần QHTPT đánh dấu. Trường hợp phụ chủ ngữ xuất hiện ở cuối câu khá ít và thường cũng không cần QHTPT dẫn nhập. Vì vậy, vai trò đánh dấu Hậu đề hiện thực hóa là phụ chủ ngữ ở cuối câu, không phải là vai trò tiêu biểu của QHTPT. Kết quả khảo sát ngữ liệu thu được chỉ có QHTPT *mà*, *như* tham gia đánh dấu Hậu đề hiện thực hóa là phụ chủ ngữ của câu. Ví dụ:

(41) *Nhưng hồi ấy, các anh bộ đội dùng dây tời bằng thép hoặc dây thừng rất lớn kéo pháo, mà kéo bằng tay (Hậu đề).* [21, tr.74]

(42) *Anh Trương mới hăm đà chân, chưa kịp hỏi, thằng Ba Chột đã xấn xỏ nói ngay, mà nói to ra phết (Hậu đề).* [17, tr.48]

QHTPT *mà* đánh dấu Hậu đề bổ sung nghĩa cho thành tố kéo (*pháo*) trong ví dụ (41) và nói trong ví dụ (42).

(43) *Công binh phải ngồi xổm mà đào, như con dũi đất, đào bằng xẻng, không có máy móc gì cả (Hậu đề).* [21, tr.78]

(44) *Cái tiếng khóc ấy không làm Sinh bớt giận, lại chỉ làm tăng thêm lên, như ngọn lửa đổ thêm dầu (Hậu đề).* [16, tr.63]

QHTPT *như* đánh dấu Hậu đề bổ sung nghĩa cho thành tố “ngồi xổm mà đào” trong ví dụ (43) và “chỉ làm tăng thêm lên” trong ví dụ (44).

4.3. Quan hệ từ phụ thuộc tham gia vào phần thuyết (Tiêu điểm)

Kết quả khảo sát ngữ liệu cho thấy, khi cấu trúc đề - thuyết được hiện thực hóa trong câu quan hệ tiếng Việt, QHTPT sẽ là một yếu tố thuộc phần thuyết (Tiêu điểm). Ví dụ:

(45)

	<i>Sự tế lặng ấy</i>	<i>do vắng Lộc.</i>
Cấu trúc cú pháp	CN	VN
Cấu trúc đề - thuyết	Đề	Thuyết (Tiêu điểm)

[11, tr.314]

Như vậy, khi cấu trúc đề - thuyết được hiện thực hóa trong câu quan hệ, QHTPT sẽ đảm nhận vai trò vị ngữ và đồng nghĩa với việc QHTPT nằm trong phần thuyết. Tuy nhiên, trường hợp này không phổ biến trong tiếng Việt và QHTPT chỉ thuộc phần thuyết khi được hiện thực hóa trong câu quan hệ mà thôi.

Ngoài ra, kết quả khảo sát ngữ liệu cũng cho thấy QHTPT có thể xuất hiện trong phần thuyết để kết nối các yếu tố trong cấu trúc phần thuyết. Bởi vì, khi phần thuyết được hiện thực hóa trong câu, thường sẽ là thành phần vị ngữ của câu. Khi đó, QHTPT sẽ kết nối thành tố phụ (hiện diện trong câu với chức năng bổ ngữ) vào thành tố chính của phần thuyết (hiện diện trong câu với chức năng trung tâm vị ngữ). Ví dụ:

(46)

	<i>Mỗi lần có án trảm,</i>	<i>ông Bát</i>	<i>chỉ phải ra pháp trường</i>	<i>cho có mặt thôi.</i>
			Trung tâm VN	BN
Cấu trúc cú pháp	TN	CN	VN	
Cấu trúc đề - thuyết	Chủ đề	Đề	Thuyết (Tiêu điểm)	

[20, tr.30]

5. Kết luận

Như vậy, ngoài những vai trò ngữ pháp và ngữ nghĩa của QHTPT đã được ghi nhận, kết quả nghiên cứu về vai trò của QHTPT đối với cấu trúc đề - thuyết trên đây đã góp phần chỉ ra thêm một vai trò nữa của QHTPT tiếng Việt theo quan điểm của nhà ngữ pháp chức năng S. Dik, đồng thời cũng góp phần khẳng định vị thế của QHTPT trong hệ thống từ loại tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2009), *Ngữ pháp tiếng Việt phần câu*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Diệp Quang Ban (2009), *Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo văn bản*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Simon C. Dik (2005), *Ngữ pháp chức năng*, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
4. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng*, quyển 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Đào Thanh Lan (2002), *Phân tích câu đơn tiếng Việt theo cấu trúc đề - thuyết*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Đào Thanh Lan (2019), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Trần Ngọc Thêm (2013), *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
8. Bùi Minh Toán (chủ biên) (2017), *Hur từ tiếng Việt trên các bình diện ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

NGŨ LIỆU KHẢO SÁT

1. Nguyễn Nhật Ánh (2008), *Hạ đỏ*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Nhật Ánh (2011), *Bỏ câu không đưa thư*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
3. Nam Cao (2003), *Tuyển tập Nam Cao*, Nxb Văn học, Hà Nội.
4. Nam Cao (2002), *Sống mòn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
5. Nguyễn Minh Châu (2015), *Tuyển chọn những truyện ngắn hay nhất*, Nxb Văn học, Hà Nội.
6. Nguyễn Công Hoan (2014), *Truyện ngắn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
7. Chu Lai (2004), *Ấn mây dĩ vãng (tiểu thuyết)*, Nxb Văn học, Hà Nội.
8. Thạch Lam (2006), *Tuyển tập truyện ngắn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
9. Vũ Trọng Phụng (2015), *Tuyển tập truyện ngắn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
10. Vũ Trọng Phụng (2004), *Số đỏ*, Nxb Văn học, Hà Nội.
11. Ngô Tất Tố (2015), *Tắt đèn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
12. Nguyễn Tuân (2012), *Tuyển tập Nguyễn Tuân*, Nxb Văn học, Hà Nội.
13. Nguyễn Huy Tưởng (2012), *Nguyễn Huy Tưởng tuyển tập*, Nxb Văn học, Hà Nội.
14. Văn học Việt Nam sau cách mạng tháng tám (1992), *Truyện ngắn, tập 1*, Nxb Văn học, Hà Nội.

The role of Vietnamese dependent relational words for thematic structure

Abstract: Discussing the role of the Vietnamese dependent relational words in thematic structure, the article applies standpoint about thematic structure of the functional grammarian Simon C. Dik to evaluate the role of the Vietnamese dependent relational words for pragmatic functions: Theme, Topic, Rheme (Focus), Tail. The research results show that the Vietnamese dependent relational words is an active factor in marking, introducing Theme, Tail and can participate in the Rheme (focus). These are new roles of the Vietnamese dependent relational words on the pragmatic seen from the perspective of functional grammar, contributing to affirming the position and role of Vietnamese dependent relational words in the Vietnamese word system.

Key words: dependent relational words; Theme; Topic; Rheme; Tail.